TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2023/HC-PT
Ngày: 25/8/2023
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: ông **Trương Công Thi**

ông **Trương Minh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Dương Thị Tuyết Trinh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Thắng** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 158/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 7 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC- ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2932/2023/QĐPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Phạm H, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Tổ A, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh 1970; trú tại: Thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T;

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị N - Chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Công H1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường; vắng mặt.

2. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã B

Địa chỉ: xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tấn D - Chức vụ: Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Phạm Hoàng .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Phạm H ***trình bày:*** Nguyên thửa đất số 68, diện tích 1.884,2m^2 và thửa đất số 69, diện tích 1.782,3m^2 tờ bản đồ số 32 tại thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam là do cha mẹ ông để lại cho ông trước năm 1975 và ông sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp, ông cũng không đưa hai mảnh đất này vào Hợp tác xã, nhưng năm 1996, UBND xã B đã tự đưa đất của ông vào quỹ đất công ích 5% do UBND xã quản lý. Khi nhà nước thực hiện chủ trương kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP thì ông không được thông báo nên không biết để thực hiện. Trên thực tế, ông là người trực tiếp canh tác, sản xuất trên thửa đất này từ trước năm 1975 đến nay. Từ năm 1996 đến nay UBND xã B cũng không có thông báo hay văn bản gì về việc ông đang sử dụng đất công ích của xã để ông được biết. Đến khi ông làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã B mới có Thông báo số 41/TB-UBND ngày 09/4/2021, cho rằng trường hợp của ông không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đã khiếu nại văn bản này và được Chủ tịch UBND xã B giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021, sau đó Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 117/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 (thay thế Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021), nội dung là giữ nguyên Thông báo số 41/TB-UBND ngày 09/4/2021 của UBND xã B. Ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T và được Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại lần hai tại Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 06/12/2021, cũng không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Thông báo số 41/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết đơn của ông Phạm H, thường trú tổ A, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Hoàng h trú tại tổ A, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Hoàng h trú tại tổ A, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm H, trú tại thôn Q, xã B, huyện T (lần hai);

- Buộc Ủy ban nhân dân xã B xác nhận nguồn gốc đất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hoàng t đúng quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện T ***trình bày:***

Theo nội dung đơn ông Phạm Hoàng khiếu n Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 117/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND xã B, huyện T về việc không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại và không ký xác nhận hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 32, diện tích 1884,2 m và thửa đất số 69, tờ bản đồ số 32, diện tích 1782,3m^2 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông.

Sau khi nhận đơn, UBND huyện T tiến hành thụ lý và xác minh, kết quả như sau:

1. Về hồ sơ địa chính

Hồ sơ kê khai theo Chỉ thị 299/TTg: Ông Phạm Hoàng k đăng ký, kê khai.

Hồ sơ kê khai theo Nghị định 64/CP: Tại Sổ mục kê đất (Quyển 04) và Sổ địa chính (Quyển 26) lập năm 1996 (do ông Hồ Viết H2, chủ tịch UBND xã B ký xác nhận ngày 20/12/1996 và ông Dương Chí C, Giám đốc sở Địa chính tỉnh Q - Đà Nẵng ký xác nhận ngày 25/12/1996) thì thửa đất số 68, diện tích 1.370m2, loại đất: Màu (ĐRM) (nay gọi là đất trồng cây hàng năm khác) và thửa 69, diện tích: 1.200m^2, loại đất lâu năm khác (LNK), thuộc tờ bản đồ số 32 là đất công ích, do UBND xã B quản lý.

Như vậy, ông Phạm Hoàng k kê khai, đăng ký hai thửa đất nêu trên qua các thời kỳ. Tuy nhiên, hộ gia đình ông đã kê khai, đăng ký đối với các thửa đất sau: Thửa đất số 186, tờ bản đồ 18, diện tích 2.635m^2, loại đất ở và vườn; thửa đất số 291, tờ bản đồ 18, diện tích 462m^2, loại đất lúa; thửa đất số 663, tờ bản đồ 18, diện tích 1.010m^2, loại đất lúa; thửa đất số 669, tờ bản đồ 18, diện tích 308m^2, loại đất lúa; thửa đất số 362, tờ bản đồ 18, diện tích 808m^2, loại đất lúa; thửa đất số 368, tờ bản đồ 18, diện tích 480m^2, loại đất lúa; thửa đất số 595, tờ bản đồ 18, diện tích 120m^2, loại đất lúa *(theo sổ địa chính do* UBND xã B *lập ngày 20/12/1996 và đã được Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phê duyệt ngày 25/12/1996)*.

2. Về hồ sơ đo đạc hiện trạng đất

Theo trích lục bản đồ địa chính số 2311/CNVPĐK ngày 12/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 thửa đất số 68, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.884,2m^2, hiện trên đất trồng cây keo lá tràm. Theo trích lục bản đồ địa chính số 2310/CNVPĐK ngày 12/5/2021 của Chi nhánh VPĐK đất đai Thăng Bình thửa

đất số 69, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.782,3m^2, hiện trên đất trồng cây keo lá tràm.

3. Về kết quả làm việc với ông Phạm H vào ngày 28/10/2021

Theo trình bày của ông Phạm Hoàng đối v thửa đất số 68, diện tích 1.370m^2, loại đất: Màu (ĐRM) (nay gọi là đất trồng cây hàng năm khác) và thửa 69, diện tích: 1.200m^2, loại đất: lâu năm khác (LNK), thuộc tờ bản đồ số 32 là của cha mẹ ông để lại cho ông bắt đầu sử dụng vào năm 1972 cho đến nay. Vào thời gian Nhà nước có chủ trương thống nhất quản lý ruộng đất trong cả nước là toàn bộ ruộng đất trong cả nước đều do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch và kế hoạch chung nhằm bảo đảm ruộng đất được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được quy định tại Quyết định số 201-CP ngày 01 tháng 7 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ thì ông Phạm Hoàng k thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong việc phân bố lại đất vì lợi ích chung của Nhà nước đối với 02 thửa đất nói trên.

4. Về kết quả làm việc với UBND xã B

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Phạm H, Ủy ban nhân dân xã B đã xác minh thực tế hiện trạng và họp Hội đồng tư vấn xác định nguồn gốc đất của xã, lão nông tri điền và những người biết việc liên quan để xác định về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đối với 02 thửa đất nêu trên. Nguồn gốc của 02 thửa đất 68 và 69, tờ bản đồ 32 là do vợ chồng ông Phạm N1 (cha mẹ ruột ông Phạm H) canh tác và sử dụng để lại từ trước năm 1975.

Khi Nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì hộ ông Phạm Hoàng k đăng ký kê khai, nên thửa đất đó không giao cho cá nhân, hộ gia đình nào.

Về quá trình canh tác sản xuất: Qua làm việc các hộ dân lấy ý kiến đều xác nhận không nhớ rõ là ông Phạm Hoàng c trực tiếp sản xuất trồng cây trên 02 thửa đất 68 và 69, tờ bản đồ số 32 hay không, nhưng có một thời gian là khoảng từ năm 2007 đến 2013 có hộ ông Nguyễn Tấn C1 và ông Võ Trung Đ cùng thôn Q, xã B thuê đất của ông H để sản xuất và có trả tiền thuê đất hằng năm cho ông H, sau đó khoảng từ năm 2015 đến 2021 thì ông Phạm H cho bà Phạm Thị K thuê để sản xuất và cũng trả tiền thuê đất hằng năm lại cho ông H, không có hợp đồng thuê đất giữa 02 bên.

Qua kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính và xác minh thực tế cho thấy hai thửa đất mà gia đình ông Phạm H đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc quỹ đất công ích đất 5%, do UBND xã B quản lý.

Chủ tịch UBND xã B đã ban hành Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 về giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với khiếu nại của ông Phạm Hoàng l đảm bảo theo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Từ những cơ sở nêu trên, cho thấy thửa đất số 68, diện tích 1.370m^2, loại đất: Màu (ĐRM) (nay gọi là đất trồng cây hàng năm khác) và thửa đất số 69, diện tích: 1.200m^2, loại đất: Lâu năm khác (LNK), thuộc tờ bản đồ số 32 là đất công ích, do UBND xã B quản lý. Do đó, căn cứ Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *"Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn"* nên không có cơ sở pháp lý để xem xét, giải quyết việc ký xác nhận nguồn gốc đất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên cho gia đình ông Phạm Hoàng . Vì vậy, ông Phạm H yêu cầu huỷ Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm H là không có cơ sở để giải quyết. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng .

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã B ***trình bày:*** UBND xã B tiếp nhận hồ của công dân ông Phạm H, về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 68, diện tích 1.884,2m^2 và thửa đất số 69, diện tích 1.782,3m^2, tờ bản đồ số 32 tại thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên qua kiểm tra sổ địa chính thì hai thửa đất nêu trên nằm trong quỹ đất công ích do UBND xã B quản lý, đã đăng ký sổ địa chính, được UBND xã B xác nhận ngày 20/12/1996 và Sở địa chính Quảng Nam – Đà Nẵng phê duyệt ngày 25/12/1996. Do đó, UBND xã B ban hành Thông báo số 41/TB-UBND, ngày 09/4/2021 thông báo cho ông Phạm Hoàng b.

Sau khi nhận được Thông báo này, ông Phạm H đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã B và được thụ lý để giải quyết theo thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu.

Sau khi lấy ý kiến khu dân cư, vào ngày 27 tháng 5 năm 2021, Hội đồng tư vấn (HĐTV) xác nhận nguồn gốc đất xã B đã họp xác nhận nguồn gốc đất tại thửa đất 68, 69 tờ bản đồ 32.

Kết quả HĐTV xác nhận nguồn gốc đất: Qua kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính và xác minh thực tế cho thấy thửa đất số 68, diện tích 1.884,2m^2 và thửa đất số 69, diện tích 1.782,3m^2, tờ bản đồ số 32, mục đích sử dụng: Đất trồng cây keo lá tràm *(Theo hồ sơ trích lục bản đồ địa chính của Chi nhánh VPĐK đất đai Thăng Bình lập ngày 12/5/2021)* mà hiện nay gia đình ông Phạm H đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là đất công ích (đất 5%), do UBND xã B quản lý.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 19, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định về các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *"Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn*", thì hộ ông Phạm Hoàng k đủ điều kiện và cơ sở pháp lý để

xem xét giải quyết chấp nhận việc xác lập hồ sơ để đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 68 và thửa 69, thuộc tờ bản đồ số 32. Do đó, UBND xã B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Hoàng . Sau đó, Chủ tịch UBND xã B thấy quyết định giải quyết khiếu nại số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 chưa đảm bảo căn cứ pháp lý và nội dung giải quyết, nên ngày 30/7/2021, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 113/QĐ-UBND, về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch UBND xã B và tiến hành lại thủ tục giải quyết khiếu nại. Đến ngày 08/9/2021, Chủ tịch UBND xã B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 117/QĐ-UBND, không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Hoàng . Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Phạm H có đơn khiếu nại (lần hại) đến Chủ tịch UBND huyện T.

UBND xã B giữ nguyên Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 8 tháng 9 năm 2021 về việc: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Phạm Hoàng v1 việc cấp GCN QSD đất tại thửa đất 68, diện tích 1.884,2m^2 và thửa đất số 69, diện tích 1.782,3m^2, tờ bản đồ số 32.

Với nội dung trên,

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC- ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 101, khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng v1 yêu cầu:

- Huỷ Thông báo số 41/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết đơn của ông Phạm H, thường trú tại thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Hoàng h trú tại thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

- Huỷ Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Hoàng h trú tại thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần đầu);

- Huỷ Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm H, trú tại thôn Q, xã B, huyện T (lần hai);

- Buộc Ủy ban nhân dân xã B xác nhận nguồn gốc đất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hoàng t đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/5/2023 ông Phạm H kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoàng g nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC- ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: ông Phạm H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, hủy Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 và Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch UBND xã B; hủy Thông báo số 41/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã B; buộc Ủy ban nhân dân xã B xác nhận nguồn gốc đất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm H thì thấy: Theo ông H, thửa đất số 68, diện tích 1.884,2m^2 và thửa đất số 69, diện tích 1.782,3m^2 tờ bản đồ số 32 tại thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam do cha mẹ ông để lại cho ông trước năm 1975, ông sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp. Khi thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND xã B các thửa đất nêu trên thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn nên không có cơ sở pháp lý để xem xét, giải quyết việc ký xác nhận nguồn gốc đất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên cho gia đình ông. Không đồng ý với kết quả nêu trên, ông H đã kiến nghị, khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã B. Tại Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 và Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B đều không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Hoàng . Ông Phạm Hoàng tiếp t1 khiếu nại đến UBND huyện T và tại Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T cũng không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông H. Do đó, ông H khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét hủy

các văn bản nêu trên và buộc UBND xã B thực hiện hành vi hành chính xác nhận nguồn gốc đất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử thấy rằng: theo sổ địa chính do UBND xã B lập ngày 20/12/1996 và đã được Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phê duyệt ngày 25/12/1996 xác định: Hai thửa đất nêu trên nằm trong quỹ đất công ích do UBND xã B quản lý, đã đăng ký sổ địa chính. Ông Phạm Hoàng k thực hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ theo chính sách của Nhà nước đối với thửa đất 68, 69 tờ bản đồ 32. Theo khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định "*Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn*" thuộc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó UBND xã B không giải quyết việc ký xác nhận nguồn gốc đất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên cho gia đình ông Phạm Hoàng l có cơ sở. Việc ông H thực hiện thủ tục khiếu nại đã được Chủ tịch UBND xã B và Chủ tịch UBND huyện T giải quyết không chấp nhận khiếu nại là đúng thẩm quyền, đảm bảo về nội dung. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh về nguồn gốc đất là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của ông H không được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Phạm Hoàng t2 trường hợp được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[2.3] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoàng . Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 33/2023/HC-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng:

Điều 101, khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai 2013;

Khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng v1 việc đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, hủy Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 và Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Chủ tịch UBND xã B; hủy Thông báo số 41/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã

B; buộc Ủy ban nhân dân xã B xác nhận nguồn gốc đất và tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm đối với ông Phạm Hoàng .

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn